

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

## QUYỂN 60

*Chi tiết 2-* Từ “Thiện nam tử, Thiện tri thức giả như từ mẫu...” trở xuống là chỉ dạy khuyến khích, nghĩa là chỉ dạy cho cách thức để phụng sự Thiện hữu. Văn có bốn chi tiết, đều dựa theo Dự hiển bày:

*Chi tiết a-* Chỉ dạy nghĩ đến đức thù thắng của Thiện hữu, trong đó: Trước là ca ngợi về thù thắng; sau từ “Thường đương như thị...” trở xuống là kết luận khuyến khích.

*Chi tiết b-* Từ “Phục thứ, nữ thừa sự...” trở xuống là chỉ dạy thực hành phát khởi tâm phụng sự Thiện hữu, có hai mươi một câu, văn hiển bày có thể biết.

*Chi tiết c-* Từ “Phục thứ, nữ ưng ư tự thân...” trở xuống là phân rõ chính mình đối với Thiện hữu, văn có mười câu, mỗi câu đều có bốn sự việc, có thể biết.

*Chi tiết d-* Từ “Thiện nam tử, nữ ưng phát như thị tâm...” trở xuống là kết luận khuyến khích thành tựu lợi ích, trong đó có hai chi tiết nhỏ:

Một: Chính thức khuyến khích.

Hai: Từ “Hà dĩ...” trở xuống là nêu ra lợi ích giải thích về thành tựu, trong đó cũng có hai: 1: Chính thức giải thích về lợi ích phụng sự Thiện hữu; 2: Từ “Phục thứ...” trở xuống là trở lại ca ngợi Thiện hữu vì có thể làm lợi ích, vì vậy nên nương theo phụng sự.

*Chi tiết 3-* Từ “Thiện nam tử, cử yếu...” trở xuống là cùng kết luận về hai môn nhắc nhở và khuyến khích, nghĩa là trình bày riêng biệt khó mà tận cùng cho nên kết thúc mở rộng thuận theo tóm lược, trong đó cũng có hai: a- Dựa vào số lượng kết luận về nhiều; b- Từ “Ngã phục lược thuyết...” trở xuống là thu nhận tổng quát kết luận về nhiều, đã bao gồm tất cả đâu chỉ trăm ngàn, rõ ràng biết rằng trước đây nói mười Bát khả thuyết là ý hiển bày về Vô tận mà thôi.

**Mục sáu-** Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già.

**Tướng thứ ba-** Từ Thị chỉ một người, trình bày về Tướng đầu nhiếp đức thành tựu nhân, trước đã hội tụ duyên tiến vào Thật, nhất định có thể thành Phật, cho nên phân rõ nghĩa thành tựu về nhân của Nhất sinh Bồ xứ. Văn chỉ có năm mục, bởi vì cuối cùng phần vị Bồ xứ hiển bày rõ ràng, cho nên không có mục khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến.

**Trong mục một-** Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai: 1- Nêu lên nghĩ đến pháp trước hướng về pháp sau; 2- Từ “Tự ước...” trở xuống là riêng biệt sinh khởi ý nghĩ thù thắng, hối hận quá khứ tu tập tương lai.

**Trong mục 2** có bốn: a- Quán sát về lỗi quá khứ mà thực hành đối trị. b- Từ “Phục quán thử thân...” trở xuống là quán sát về khổ hiện tại mà thúc đẩy tinh tiến làm thiện, mong những người tu tập thực hành xét kỹ phỏng theo điều này! c- Từ “Tác thị niệm thời...” trở xuống là trình bày về lợi ích của quán sát suy nghĩ, quán sát về lợi ích thù thắng ấy. d- Từ “Như thị nhất thiết...” trở xuống là kết luận về những lợi ích phụ thuộc.

**Mục hai-** Từ “Thiện Tài Đồng tử dĩ như thị...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, trong đó có hai: 1- Nhìn thấy cung kính; 2- Thưa hỏi.

**Trong mục 1-** Nhìn thấy cung kính, cũng có hai: a- Nhìn thấy Y báo; b- Nhìn thấy Chánh báo. Hai mục đều có bày tỏ cung kính.

**Trong mục a-** Nhìn thấy Y báo, có hai tiết: Một- Nhập Định bày tỏ cung kính; Hai- Xuất Định cung kính ca ngợi.

**Trong tiết một-** Nhập Định bày tỏ cung kính, có ba: 1- Kết thúc phần trước nêu lên phần sau; 2- Riêng biệt hiển bày về Dụng của Định; 3- Tổng quát kết luận về thành tựu lợi ích.

**Tiết 1-** Kết thúc phần trước nêu lên phần sau: Nghĩ đến phần vị là nêu lên Định. Suy nghĩ quán sát là gia hạnh của Định. Tín Nguyễn là nhân của Định. Từ “Nhập biến...” trở xuống là phân rõ về tên gọi và tướng của Định.

**Tiết 2-** Từ “Phổ hiện...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Dụng của Định, tức là Định-Tuệ cùng vận dụng, trong đó có hai tiết:

**Tiết a-** Trình bày về Diệu Dụng ngay nơi Định thuộc Trí, trong đó: Trước là hiện bày vô số thân khắp nơi pháp giới; sau từ “Đẳng hư không...” trở xuống là nguồn chân phù hợp với Pháp tánh.

*Tiết b-* Từ “Hựu quyết định tri...” trở xuống là trình bày về quán sát sâu xa xứng với pháp giới, trong đó có ba chi tiết: Một- Hiểu rõ pháp thuận theo duyên; Hai- Từ “Ly ư đoạn...” trở xuống là Trí phù hợp với Vô tánh; Ba- Từ “Tri nhất thiết pháp như chủng sinh nha...” trở xuống là kết hợp quy về Trung đạo. Ba loại này không có ngăn ngại tức là ba Quán-một Tâm.

*Chi tiết một-* Hiểu rõ pháp thuận theo duyên: Báo thuận theo thiện-ác, cho nên nói là nghiệp khởi lên. Quả từ chủng tử sinh ra, cho nên nói là thuận theo nhân khởi lên. Tự mình tu tập thành Phật, Tín là nguồn gốc của Đạo. Cảm đến người khác mà hóa thân, tâm cung kính liền hiện rõ.

Trong chi tiết hai là Trí phù hợp với Vô tánh: Lìa xa kiến chấp điên đảo, bao gồm ba-bốn điên đảo.

Bốn điên đảo: Thường mà cho rằng Vô thường thì gọi là điên đảo, thấy rõ Lý chân thật thì không có điên đảo này, nếu lấy Vô thường làm Thường thì cũng không thích hợp, bởi vì thấy Lý đúng như thật mà làm hỏng tướng.

Kiến chấp về Tự tại, nói là Tự Tại Thiên có thể sinh ra vạn vật, vì vậy biết là do nghiệp của mình chứ không do nơi khác.

Lìa xa kiến chấp về Tự-Tha, chỉ chấp vào Tự-Tha thì trái với duyên khởi.

Biên chấp kiến, bởi vì khăng khăng chấp là sinh tử... có đầu đuôi của nó.

Lìa xa có-không có, là từ không có mà có gọi là sinh, từ có trở về không có gọi là diệt. Thể không có sinh-diệt, sao có thể là có-không có? Nhận biết Không thì không có sinh là dựa theo Lý mà loại bỏ pháp, nhận biết không tự tại là dựa theo duyên mà loại bỏ pháp, nhận biết Nguyên lực sinh ra là dựa theo nhân mà loại bỏ pháp.

Chi tiết ba là kết hợp quy về Trung đạo: Nhưng tùy theo một câu đều lìa xa những lỗi lầm nói trên.

Nay lại nói tổng quát: Như hạt giống sinh ra mầm non, là từ các duyên như đất-nước mà sinh ra, cho nên không phải là không có, điều này như chi tiết một. Duyên sinh thì không có tánh, cho nên không phải là có, như chi tiết hai. Không phải có-không phải không có, tức là Trung đạo, như vậy lìa xa Đoạn-Thường..., có thể dựa theo suy nghĩ.

Hạt giống nảy mầm theo chiều ngang dụ cho vạn pháp, như con dấu hiện rõ đường nét tức là theo chiều dọc dụ cho các pháp. Kinh Niết Bàn nói: “Ấm này cũng diệt thì Ấm kia nối tiếp sinh ra, như con dấu

bằng sấp in vào bùn thì con dấu hủy hoại mà vẫn thành tựu...”

Từ đây trở xuống, các câu nối thông với chiều ngang-chiều dọc: Hiểu rõ thế gian do tâm hiện rõ cũng là quán về Duy tâm; dùng tâm làm duyên hiện rõ mà không có tánh, tức là quán về Trung đạo. Còn lại đều có thể biết.

*Tiết 3-* Từ “Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về thành tựu lợi ích.

*Tiết hai-* Từ “Tùng địa nhi khởi...” trở xuống là xuất Định cung kính ca ngợi, trong đó có ba: 1- Dùng thân cung kính đi vòng quanh; 2- Từ “Tác thị niệm ngôn...” trở xuống là dùng tâm cung kính nghĩ đến; 3- Trong kệ tụng dùng ngôn từ cung kính ca ngợi.

Trong tiết 2 là dùng tâm cung kính nghĩ đến: Nêu ra đức của người có thể an trú, ca ngợi về lâu dài đã an trú. Câu đầu hiển bày đầy đủ, nói lâu dài rộng lớn này là xuyên suốt tất cả các câu, trong đó phân làm mười:

Một: Dựa theo Cảnh để hiển bày về thù thắng.

Hai: Từ “Thị nhập nhất thiết thâm thâm...” trở xuống là dựa theo Đức để hiển bày về vi diệu.

Ba: Từ “Thị dĩ nhất kiếp...” trở xuống là dựa theo Dụng để hiển bày về tự tại.

Bốn: Từ “Thị ư nhất thiết chúng sinh tiền...” trở xuống là dựa theo Hạnh để hiển bày về thù thắng.

Năm: Từ “Thị năng trú nan tri pháp...” trở xuống là dựa theo Quán để hiển bày về sâu xa.

Sáu: Từ “Thị trú Đại Từ Bi...” trở xuống là dựa theo đối trị để hiển bày về thù thắng.

Bảy: Từ “Thị tuy trú tứ thiên...” trở xuống là dựa theo Chỉ-Quán để trình bày về tự tại.

Tám: Từ “Thị tuy ư nhất thiết nghiệp phiến não...” trở xuống là dựa theo Hạnh lợi tha để hiển bày về thù thắng.

Chín: Từ “Thị tuy hành cửu thứ đệ định...” trở xuống là dựa theo Hạnh bảo vệ Tiểu thừa để trình bày về tự tại.

Mười: Từ “Thử đại lâu các...” trở xuống là kết luận về Đức đã an trú.

Ở trong chín câu trước, trừ ra hai câu đầu và câu thứ năm, còn lại đều dựa theo Lý-Sự, Quyền-Thật cùng hiện hành.

*Tiết 3-* Trong kệ tụng dùng ngôn từ cung kính ca ngợi, có năm mươi lăm kệ phân hai tiết: a- Có ba mươi bốn kệ bảy chữ, nêu ra đức để

ca ngợi về nơi chốn; b- Có hai mươi một kệ năm chữ, dựa vào nơi chốn để trình bày về đức.

*Trong tiết a-* Ba mươi bốn kệ bảy chữ, có hai chi tiết:

Một: Hai kệ đầu tổng quát ca ngợi, một kệ dựa theo phần vị của Hạnh, một kệ dựa theo đức của tên gọi.

Hai: Ba mươi hai kệ còn lại là riêng biệt dựa theo Đức-Hạnh.

Trong chi tiết hai có bốn: 1- Có bảy kệ, dựa theo Hạnh tự lợi thù thắng; 2- Có mười kệ, ca ngợi về Hạnh lợi tha thù thắng; 3- Có tám kệ, ca ngợi về công đức thù thắng; 4- Có bảy kệ, ca ngợi về phương tiện thù thắng.

*Trong tiết b-* Hai mươi một kệ năm chữ, dựa vào nơi chốn để trình bày về đức, tuy lại nói về Y báo mà ý thuộc về ca ngợi Chánh báo, trong đó có sáu chi tiết:

Một: Có hai kệ, hướng xuống phía dưới giáo hóa chúng sinh.

Hai: Có hai kệ, hướng lên phía trên quán sát.

Ba: Có năm kệ, trình bày về Tam-muội tự tại.

Bốn: Có bảy kệ, trình bày về trí tuệ rộng sâu.

Năm: Có một kệ, hiển bày về tâm bình đẳng.

Sáu: Có bốn kệ, kết luận về đức, bày tỏ cung kính, cầu mong thương xót, thừa thỉnh gia hộ.

*Trong mục b-* Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là nhìn thấy Chánh báo, có hai tiết: Một- Nhìn thấy; Hai- Cung kính.

*Trong tiết một-* Nhìn thấy, có hai: 1- Tâm hướng về mong nhìn thấy; 2- Từ “Nãi kiến...” trở xuống là chính thức nhìn thấy dung nhan tôn quý hiển từ.

Nói là đến từ nơi khác, bởi vì thâm nhiếp giáo hóa dựa vào căn cơ, mà trở lại quy về gốc, cũng hiển bày về Từ Thị ứng niệm mà đến, không đắm theo nơi chốn.

*Tiết hai-* Từ “Thiện Tài kiến dĩ...” trở xuống là trình bày về nghi thức lễ chào cung kính, trong đó có năm: 1- Thân tâm lễ lạy cung kính; 2- Từ “Thời Di-lặc...” trở xuống là khen ngợi về đức mà thọ ký cho; 3- Từ “Nhĩ thời Di-lặc...” trở xuống là trở lại bày tỏ nghi thức cung kính; 4- Từ “Thời Di-lặc...” trở xuống là tiếp tục khen ngợi-tiếp tục thọ ký; 5- Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là mừng vui được gặp nghĩ đến ân đức.

*Trong tiết 2* có hai tiết:

*Tiết a-* Trường hàng, chỉ ra rõ ràng là khiến cho mọi người cùng nhìn thấy, phỏng theo mà thực hành.

*Tiết b-* Kệ tụng, chính thức khen ngợi, có một trăm mười ba kệ

phân ba: Một kệ đầu là dựa vào mọi người tổng quát khen ngợi. Một kệ cuối cùng tóm lược chỉ ra vị Thiện hữu sau. Một trăm mười một kệ giữa là riêng biệt khen ngợi về đức thù thắng, có ba chi tiết:

*Chi tiết một-* Có hai mươi hai kệ, thẳng thắn khen ngợi đối với Thiện Tài, trong đó cũng có ba:

1: Có chín kệ, khen ngợi về đức khéo léo xuất hiện.

2: Có hai kệ, trình bày về nhân duyên xuất hiện, bởi vì bên ngoài nhờ vào Thiện hữu, bên trong đầy đủ đức hạnh.

3: Có mười một kệ, trình bày về những việc đã xuất hiện..

*Chi tiết hai-* Từ “Nhữ đẳng quán...” trở xuống có hai mươi sáu kệ, đối với mọi người khiến cho khuyến khích ca ngợi, trong đó có năm:

1: Có bốn kệ, tổng quát ca ngợi.

2: Có bốn kệ, ca ngợi Bi ngay nơi Trí.

3: Có bảy kệ, ca ngợi Trí ngay nơi Bi: Nhĩ Diệm, ở đây nói là pháp đã nhận biết. Luận Nhập Đại Thừa nói: “Nhĩ Diệm Địa, là Địa thứ mười, bởi vì Địa này dựa theo đoạn trừ tất cả mười loại Sở tri chướng.

4: Có sáu kệ, tổng quát ca ngợi về các đức.

5: Có năm kệ, ca ngợi về quả vi diệu sẽ thành tựu.

*Chi tiết ba-* Từ “Nhữ hành...” trở xuống có sáu mươi ba kệ, trở lại khen ngợi đối với Thiện Tài, trong đó phân năm:

1: Có hai mươi sáu kệ, khen ngợi về đức của quả tương lai, hai kệ đầu là tổng quát, hai mươi bốn kệ còn lại đều là riêng biệt.

2: Từ “Nhữ ư...” trở xuống có bảy kệ, cùng khen ngợi về đức của hiện tại-tương lai.

3: Từ “Chư căn...” trở xuống có tám kệ, khen ngợi về đức được gặp Thiện hữu.

4: Có năm kệ, khen ngợi về đức của Hạnh mau chóng thành tựu phần vị.

5: Có mười bảy kệ, tổng quát trình bày về các đức, kết thúc khen ngợi khiến cho vui mừng.

Trong tiết 3 là trở lại bày tỏ nghi thức cung kính, có ba: a- Phân rõ về nhân của cung kính, bởi vì nghe khen ngợi về đức; b- Từ “Thiện Tài văn...” trở xuống là thân tâm xót xa cung kính; c- Từ “Dĩ Văn Thù...” trở xuống là dùng hoa cúng dường bày tỏ chân thành.

Nói là Niệm lực thuộc về tâm của Văn Thù, biểu thị cho Trí của niềm tin, hoa nhờ vào Đức thiết lập mà thành tựu về hạnh Anh lạc.

Nói là đầy tay, bởi vì đầy đủ Trí của niềm tin. Rải trên Di-lặc, bởi vì thâm nhiếp thành tựu nhân, cho nên đầy đủ quả tương lai.

Tiết 4 là tiếp tục khen ngợi-tiếp tục thọ ký, có thể biết.

Tiết 5 là mừng vui được gặp nghĩ đến ân đức, vẫn có thể biết.  
(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 78 trong kinh).

*Trong mục 2-* Từ “Nhĩ thời Thiện Tài Đồng tử hiệp chưởng...” trở xuống là thưa hỏi, có hai: a-Tự trình bày về phát tâm; b-Từ “Nhi ngã vị tri...” trở xuống là chính thức thưa hỏi về pháp quan trọng.

*Trong mục b có ba tiết:*

*Tiết một-* Nêu lên những điều thưa hỏi.

*Tiết hai-* Từ “Đại Thánh, nhất thiết Như Lai...” trở xuống là ca ngợi Di-lặc có đức có thể giải đáp, tức là bởi vì đức này cũng làm đầu mối để thưa hỏi: Trước là tổng quát; sau là riêng biệt. Trong riêng biệt có năm mươi câu, đều nói về đức của nhân tròn vẹn-quả đầy đủ.

*Tiết ba-* Từ “Đại Thánh, Bồ-tát...” trở xuống là kết thúc thưa hỏi-thỉnh cầu thuyết giảng, bao gồm hiển bày về ý thưa hỏi.

*Mục ba-* Từ “Nhĩ thời Di-lặc Bồ-tát...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, trong đó có hai: 1- Khen ngợi; 2- Trao cho pháp.

Trong mục 1 là khen ngợi, có hai: a- Khen ngợi Thiện Tài vì Đại chúng, tức là khen ngợi về con người; b- Ca ngợi tâm Bồ-đề vì Thiện Tài, tức là ca ngợi về pháp.

Trong mục a cũng có hai tiết: Một- Dựa vào con người chỉ ra cho Đại chúng; Hai- Từ “Chư Nhân giả, thử Trưởng giả tử...” trở xuống là chính thức khen ngợi về đức.

*Trong tiết hai có bốn:* 1- Trình bày về thường xuyên chịu khó mong cầu Thiện hữu; 2- Trình bày về Thừa rộng lớn; 3- Trình bày về đức đầy đủ không thiếu; 4- Trình bày về mau chóng chứng đạt vượt lên trên Quyền.

*Trong tiết 1 có hai:* a- Tổng quát hiển bày về thường xuyên chịu khó; b- Từ “Chư Nhân giả...” trở xuống là riêng biệt chỉ ra tướng của thường xuyên chịu khó, nghĩa là chịu khó một thời gian hãy còn chưa có thể khen ngợi, từ đầu đến cuối không có một niệm lơ lửng, cho nên thật là đáng khen ngợi.

Nói về một trăm mười vị Thiện tri thức, xưa có nhiều cách giải thích.

Một người nói rằng: “Lý thuận theo có đủ, nhưng vẫn bỏ sót.”

Hiền Thủ nói rằng: “Các Thiện hữu trước-sau tổng quát có năm mươi bốn vị, phân ra Đức Sinh-Hữu Đức làm hai, thì có năm mươi lăm vị, đều có Tự phần và Thắng tiến, cho nên có một trăm mười vị.”

Nếu dựa vào cách giải thích này thì trái với ở đây đã nói. Đã nói

trải qua một trăm mười vị rồi mới đến Di-lặc, rõ ràng ba vị như Di-lặc..., không phải là số lượng của một trăm mười vị.

Có người nói rằng: “Số giảm của mười mà thôi. Thật ra chỉ có một trăm lẻ tám vị, nghĩa là trừ ra Biến Hữu trước đây, chỉ có năm mươi một vị, đều đầy đủ Chủ-Bạn trở thành một trăm lẻ hai vị. Biến Hữu chỉ ra Chúng Nghệ, tuy không phải Thiện hữu thuộc Chủ mà đều là Thiện hữu Bạn, là một trăm lẻ ba vị. Lại thêm vào phần Vô Yếm Túc Vương, phần Không Thiên Cù-ba, phần Ma-da Vô Ưu Đức Thần, Thần Thân Chúng Liên Hoa Pháp Đức, và Thần Diệu Hoa Quang Minh, La-sát Thiện Nhân Thủ Hộ Pháp Đường, cùng với trước tổng cộng có một trăm lẻ tám vị. Bởi vì Không Thiên... thưa hỏi-giải đáp lẫn nhau, cho nên có thể thuộc về số lượng của Thiện hữu, không phải là danh xưng mà Thiện hữu Chủ trước đây chỉ ra, không phải là Thiện hữu Chủ cho nên chỉ gọi là Thiện hữu Bạn.”

Nếu như vậy thì trái với văn sau nói đến những khu thành ở nơi khác.

Sau tự giải thích rằng: “Từ trước cho đến Đồng tử-Đồng nữ, đã trải qua một trăm mười vị, nay trải qua trú xứ của Văn Thù ở phần vị sau, cho nên nói là ở nơi khác.” Nghĩa là nếu như vậy thì trở thành một trăm lẻ tám vị, thêm vào Từ Thị hãy còn mới một trăm lẻ chín vị, cùng với Văn Thù ở phần vị sau mới đúng một trăm mười vị, sao có ở nơi khác?

Nếu kết hợp tổng quát thì ba cách giải thích đều có thể như nhau. Chọn lấy cách giải thích trước đây, thêm vào Bồ-tát Giác Ngộ và Như Lai Sử Thiên ở phần Bất Động, đầy đủ trở thành một trăm mười vị, thì những nghĩa khác cũng thành tựu. Bởi vì hai vị Đại Thánh ấy cũng chỉ dạy cho Thiện Tài, cho nên có thể làm Thiện hữu Bạn, còn lại đã nói chỉ là ý của người dịch.

Bản kinh thời Tấn không có chữ Dĩ, là tổng quát chọn lấy trước-sau, đối với nghĩa không có gì trở ngại. Nhưng sau lại nói rằng một trăm mười khu thành, lại nói vượt qua một trăm mười Do-tuần.

Đều nói đến một trăm mười, là bởi vì có những biểu thị. Nghĩa là trừ ra phần vị Phật, chọn lấy phần vị chứng thực tiến vào Thập Địa-Đẳng Giác làm thành một trăm mười, bởi vì trong một đầy đủ mười, cũng hiển bày về mười-mười trong mỗi một phần vị dung thông với nhau, giả sử có Tam Hiền thì cũng chỉ đầy đủ mười.

Nếu hợp với Đẳng giác thuộc về phần Thắng tiến của Thập Địa, thì tách Thập Tín ra làm một, bởi vì tiến lên-lùi lại theo môn Hành bố



và môn Viên dung, đều nói thuận với một trăm mười, đầu cần phải hạn định trước-sau.

*Tiết 2-* Từ “Chư Nhân giả, thử Trưởng giả tử thậm vi nan hữu...” trở xuống là trình bày về Thừa rộng lớn, trong đó có ba tiết:

*Tiết a-* Tổng quát khen ngợi về đặc biệt ít có.

*Tiết b-* Từ “Như thị chi nhân...” trở xuống là riêng biệt trình bày về khó gặp, trong đó có hai chi tiết: Một- Nêu lên; Hai- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra giải thích.

Ý giải thích rằng: Bởi vì tâm Bi cứu giúp sâu rộng, tức là tách ra cứu giúp che chở chúng sinh trong phần tổng quát trước đây, trong đó có hai: Trước là trình bày tổng quát về che chở tất cả; sau từ “Vi bị tứ lưu...” trở xuống là dựa theo chủng loại riêng biệt để trình bày.

Cuốn cuộn (Cốt) là tướng trạng của dòng nước chảy xiết.

Nói khu thành của Giới, tức là mười tám Giới, bởi vì giải thoát từng phần riêng biệt trong mỗi một Căn-Cảnh-Thức.

Nói nơi chốn của Giới, tức là nơi chốn tụ tập trống rỗng như bốn Giới-tám Xứ..., ngu si tối tăm không có người, không dùng ánh sáng của Trí để dẫn dắt, thì chắc chắn bị giặc trần lao cướp mất.

*Tiết c-* Từ “Chư nhân giả, thử Trưởng giả tử hằng dĩ...” trở xuống là tổng quát kết luận về những việc đã làm.

*Tiết 3-* Từ “Chư Nhân giả, nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là trình bày về đức đầy đủ không thiếu, có mười ba câu. Có một đức thuộc về mình đã là hiếm có, huống hồ có hai-ba cho đến hoàn toàn đầy đủ hay sao? Vì vậy nói là lần lượt chuyển tiếp khó có. Vả lại, những đức sau khó hơn so với những đức trước, cho nên nói là lần lượt chuyển tiếp.

*Tiết 4-* Từ “Chư Nhân giả, dư chư...” trở xuống là trình bày về mau chóng chứng đạt vượt lên trên Quyền, bởi vì y theo Thật giáo mà tu hành, nghĩa là ngay nơi thân phàm phu trong một đời cũng phát sinh hiểu biết thực hành (Giải-Hạnh). Chim ngàn năm không sánh bằng Phượng sống trong một ngày, phần vị chúng sinh và Phổ Hiền dung thông thân nhiếp lẫn nhau, cho nên y theo Thật giáo tu tập, tất cả đều có thể như vậy, tại sao không cố gắng?

Văn có mười câu: Hai câu đầu tổng quát trình bày về đầy đủ Hạnh của các phần vị; câu ba là tiến vào Thập Trú; câu bốn-năm là tiến vào Thập Hạnh; câu sáu là tiến vào Thập Hồi Hưởng. Lại bốn câu trên cũng đều là Hạnh của Thập Địa. Lại bốn nghĩa, nghĩa hàm chứa tổng quát riêng biệt. Bốn câu sau bao gồm phần vị của các Địa.

*Mục b-* Từ “Nhĩ thời Di-lặc...” trở xuống là ca ngợi tâm Bồ-đề vì Thiện Tài, văn phân làm hai tiết riêng biệt: Một- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; Hai- Từ “Cáo Thiện Tài...” trở xuống là chính thức ca ngợi.

*Trong tiết hai, có bốn:* 1- Nêu lên ca ngợi về phát tâm; 2- Từ “Nhữ hoạch thiện lợi...” trở xuống là khen ngợi về lợi ích thành tựu của khí chất phát tâm ấy; 3- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là mở rộng nêu ra đức của tâm Bồ-đề để giải thích về thành tựu; 4- Từ “Thiện nam tử, Bồ-đề tâm giả thành tựu như thị...” trở xuống là kết luận giải thích thuộc về chính mình.

Tiết 1 và tiết 2, văn có thể biết.

*Trong tiết 3-* Trước là ý đưa ra rằng: Vì sao khen ngợi tốt lành thay đạt được lợi ích tốt lành? Sau là ý giải thích rằng: Bởi vì tâm Bồ-đề đầy đủ các đức.

Văn có hai trăm hai mươi một câu, đều bao gồm ba loại phát tâm, nhanh chóng đầy đủ công đức của các phần vị, tạm thời phân làm hai: a- Có một trăm mười tám câu trình bày về tâm Bồ-đề, bao gồm tất cả các Địa; b- Từ “Đắc vô úy dục...” trở xuống có một trăm lẻ ba câu, trình bày về tâm Bồ-đề nhanh chóng đầy đủ công đức của các phần vị.

Lại tiết a phần nhiều trình bày về thành tựu của Tín, và phát tâm của Giải-Hạnh; tiết b phần nhiều trình bày về phát tâm ở phần vị Chứng, cho nên văn phần nhiều nói là Đắc. Lại tiết a trình bày về công đức thù thắng của tâm Bồ-đề, cao bằng quả Phật; tiết b dụ cho công đức tự tại của tâm Bồ-đề, rộng lớn vô lượng.

*Trong tiết a-* Có một trăm mười tám câu, phân hai chi tiết: Một- Riêng biệt trình bày; Hai- Tổng quát kết luận.

Trong chi tiết một: Riêng biệt trình bày, văn bao gồm ngang-dọc. Theo chiều ngang thì mỗi một sự phát tâm đều đầy đủ đức của các câu, theo chiều dọc thì riêng biệt phối hợp với sự phát tâm của các phần vị, bởi vì từ chủng tánh Bồ-tát cho đến cứu cánh, không ra ngoài ba loại phát tâm. Sự Quang Thống phối hợp với mười hai Trú:

1- Ba câu đầu tức là Trú thuộc chủng tánh, cho nên nói là như hạt giống-như ruộng đất, đều là nghĩa của hạt giống nảy mầm.

2- Từ “Như tịnh thủy...” trở xuống có sáu câu, trình bày về lợi ích trong Trú thuộc Giải-Hạnh thù thắng.

3- Từ “Tịnh mục...” trở xuống có mười sáu câu, là Trú thuộc về Cực Hỷ tăng thượng, bởi vì đều là nghĩa trong Địa thứ nhất.

4- Từ “Như đại hải...” trở xuống có bảy câu, là Trú thuộc về Giới

tăng thượng.

5- Từ “Điều Tuệ tượng...” trở xuống có mười câu, là Trú thuộc về Tâm tăng thượng.

6- Từ “Thiện kiến được...” trở xuống có mười câu, là trong Trú thuộc về Tuệ tăng thượng tương ứng với Giác phần. Nói về Tỳ-kiệp-ma, Trung Hoa nói là Phổ Khứ.

7- Từ “Như ý châu...” trở xuống có mười câu, là Trú thuộc về tăng thượng tương ứng với các Đế.

8- Từ “Lợi đao...” trở xuống có mười câu, trình bày về Trú thuộc về tăng thượng tương ứng với chấm dứt lưu chuyển của duyên khởi.

9- Từ “Ngọa cụ...” trở xuống có mười câu, trình bày về Trú thuộc Vô tướng có công dụng.

10- Từ “Mạng căn...” trở xuống có mười câu, trình bày về Trú thuộc Vô tướng không có công dụng.

11- Từ “Hảo chủng tánh...” trở xuống có mười câu, trình bày về Trú thuộc Vô ngại giải. Nói về Thọ hành, bản tiếng Phạn nói tức là Từ Thạch (đá nam châm), bởi vì không hút quả giải thoát của Thanh văn.

12- Từ “Tịnh lưu ly...” trở xuống có mười sáu câu, trình bày về Trú thuộc Bồ-tát tối thượng. Bản tiếng Phạn nói là Nhân-đà-la Vĩng, bởi vì lưới giăng bắt lấy A-tu-la phiến não. Bà-lâu-na Phong, Trung Hoa nói là Tấn Mãnh Phong.

Văn nghĩa trong đó đều tương ứng với phần vị ấy, e rằng văn nhiều cho nên không đưa ra. Bắt đầu từ chủng tử, cuối cùng ở tập khí của phiến não, trình bày về nghĩa theo chiều dọc đã rõ ràng rồi. Nhưng đoạn trừ tập khí... suy ra công thuộc về gốc, nhờ vào Sơ phát tâm, thì chiều ngang đầy đủ các đức, đối với lý đã rõ ràng rồi.

*Chi tiết hai-* Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là tổng quát kết luận, tức là công thành tựu nhờ vào cái sọt đựng đất ban đầu. Tâm ban đầu đầy đủ đối với các đức, huống là trước sau viên dung hay sao?

Tiết b- Từ “Thiện nam tử, thí như...” trở xuống có một trăm lẻ ba câu, trình bày về công đức tự tại của tâm Bồ đề. Trong văn đều có Dụ-Hợp, bởi vì người nói-người nghe đã nhìn thấy sâu xa, cho nên Dụ đã dẫn ra phần nhiều không phải là cảnh phàm, cũng hiển bày về tâm Bồ-đề Bất cộng. Tuy bao gồm chiều ngang-chiều dọc, mà tạm thời theo chiều dọc phân làm năm chi tiết:

Một: Có bảy câu, thâm nhiếp đức của Thập Trú, bởi vì tự tánh của tâm Giác lìa xa Giác thuộc về pháp ác.

Hai: Từ “Vô sinh căn...” trở xuống có mười Dụ thâm nhiếp đức của

Thập Hạnh.

Ba: Từ “Đế Thích trước Ma-ni...” trở xuống có chín câu, thâm nhiếp đức của Thập Hồi Hương.

Bốn: Từ “Hữu bảo danh Tịnh Quang Minh...” trở xuống có sáu mươi Dụ thâm nhiếp đức của Thập Địa, tức là phân làm mười:

1- Bốn Dụ đầu thâm nhiếp đức của Địa thứ nhất.

2- Từ “Như Tự Tại Vương...” trở xuống có ba Dụ, thâm nhiếp đức của Địa thứ hai, bởi vì Trì giới và hành hạnh Đầu-đà... là công đức thanh tịnh.

3- Từ “Thiện điều long pháp...” trở xuống có bốn Dụ, thâm nhiếp đức của Địa thứ ba, bởi vì tiến vào các Thiện định, lìa xa phiền não nóng bức...

4- Từ “Tu-di sơn...” trở xuống có bốn Dụ, thâm nhiếp đức của Địa thứ tư, bởi vì đạt được Vô lậu giống như ngọn lửa của Nhất thiết trí.

5- Từ “Gia tử thọ...” trở xuống có bốn Dụ, thâm nhiếp đức của Địa thứ năm, bởi vì làm lợi ích cho mọi người mà không nhiễm theo Tục.

6- Từ “Nhất đẳng...” trở xuống có sáu Dụ, thâm nhiếp đức của Địa thứ sáu, bởi vì Bát-nhã hiện rõ trước mắt lập tức phá tan bóng tối.

7- Từ “Ca-lăng Tần-già...” trở xuống có năm câu, thâm nhiếp đức của Địa thứ bảy, bởi vì khéo léo tiến vào phương tiện, đạt được tự tại.

8- Từ “Như nhân học xạ...” trở xuống có mười bốn Dụ, thâm nhiếp đức của Địa thứ tám, bởi vì phát tâm không còn công dụng, có thể diệt trừ những tướng phiền não...

9- Từ “Phục diên linh dục...” trở xuống có sáu Dụ, thâm nhiếp đức của Địa thứ chín, bởi vì kéo dài thọ mạng, tăng thêm sự sống...

10- Từ “Thí như hữu dục vi chú sở trì...” trở xuống có sáu Dụ, thâm nhiếp đức của Địa thứ mười, bởi vì đi sâu vào trừ bỏ tập khí phiền não mà thành tựu tất cả pháp Phật.

Năm: Từ “Kim cang phi liệt ác khí...” trở xuống có mười bảy Dụ, thâm nhiếp công đức của phần vị Đẳng giác, bởi vì Trí Kim Cang cuối cùng thành tựu Bồ-đề. Trong đó, tiếng Phạn đầy đủ như Âm Nghĩa.

*Tiết 4-* Từ “Thiện nam tử, Bồ-đề tâm giả...” trở xuống là kết luận giải thích thuộc về chính mình, nghĩa là nhiều đức trên đây, bởi vì giải thích về câu đạt được lợi ích tốt lành.

*Mục 2-* Từ “Thiện nam tử, như nữ sở vấn...” trở xuống là chính thức trao cho pháp giới, trong đó có bốn: a- Trao cho Thể của pháp; b- Hiện bày tên gọi của pháp; c- Cùng tận nguồn gốc của nhân trang nghiêm; d- Suy xét về tánh-tướng của Chánh báo.

*Trong mục a-* Trao cho Thế của pháp, có bốn tiết: Một- Chính thức tiến vào phương tiện; Hai- Gia hộ khiến cho chứng thực tiến vào; Ba- Nhìn thấy cảnh giới đã chứng đạt; Bốn-Sự việc kết thúc rời khỏi Định.

*Trong tiết một-* Chính thức tiến vào phương tiện, có hai: 1- Nhắc lại câu hỏi khuyến khích chứng thực; 2- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là mong cầu chứng được phương tiện.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 79 trong kinh).

*Tiết hai-* Từ “Nhĩ thời Di-lặc...” trở xuống là gia hộ khiến cho chứng thực tiến vào, có hai tiết:

*Tiết 1-* Dựa theo duyên gia hộ, khiến cho Thiện Tài ngay nơi pháp-mất ngôn từ, phù hợp với ý nghĩa, thì mở toang cánh cửa pháp của Phật, cho nên nói là đi đến phía trước..., tức là mở toang cánh cửa của Lý-Trí, chỉ ra khiến cho tỏ ngộ tiến vào.

*Tiết 2-* Từ “Thiện Tài tâm hỷ...” trở xuống là dựa theo nhân, tự mình chứng thực tỏ ngộ Tri kiến của Phật, thì tiến vào pháp giới. Từ mê đến ngộ, gia hạnh hưởng đến tiến vào có khác về cửa ngõ của Lý; chứng đạt đã phù hợp, chủ động-thụ động không còn, ngay nơi Vọng mà Chân, lại không có nơi chốn tiến vào, cho nên nói là trở lại đóng kín.

*Tiết ba-* Từ “Kiến kỳ lâu các...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy cảnh giới đã chứng đạt, trong đó có hai: Trước là riêng biệt trình bày về những gì đã nhìn thấy; sau là tổng quát hiển bày về tướng nhìn thấy.

Trong tiết trước-Riêng biệt trình bày về những gì đã nhìn thấy, có sáu: 1- Nhìn thấy Y báo; 2- Nhìn thấy Chánh báo; 3- Nhìn thấy Bồ-tát bạn; 4- Nhìn thấy chư Phật; 5- Nhìn thấy chủ lâu đài trong lâu đài; 6- Tổng quát nhìn thấy tác dụng của đồ vật trang nghiêm. Nhưng sáu loại này đều là vốn có trong Bi-Trí.

*Tiết 1-* Nhìn thấy Y báo: a- Nhìn thấy; b- Lợi ích.

*Trong tiết a-* Nhìn thấy, có ba chi tiết:

Một: Đích thực nhìn thấy một lớp trang nghiêm, có nêu lên-đưa ra và kết luận, giống như hư không là bởi vì xứng với pháp tánh.

Hai: Từ “Hựu kiến kỳ trung...” trở xuống là trong Y báo có Y báo, trong một nhìn thấy nhiều tức là môn Vi tế, cũng là môn Chủ-bạn.

Ba: Từ “Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là một nơi nhìn thấy nhiều tức là môn Tướng tại.

*Tiết b-* Từ “ Nhĩ thời...” trở xuống là đạt được lợi ích.

*Trong tiết 2-* Từ “Tài tử khể thủ...” trở xuống là nhìn thấy Chánh báo, có hai: a-Tổng quát nêu lên; b-Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt

hiển bày.

Trong tiết b có năm chi tiết:

Một: Nhìn thấy thời gian mới phát tâm.

Hai: Từ “Hoặc kiến sơ đắc Từ tâm...” trở xuống là nhìn thấy thời gian tu tập thực hành đạt được pháp.

Ba: Từ “Hoặc kiến Di-lặc vi chuyển luân...” trở xuống là thời gian tùy theo chủng loại thân nghiệp chúng sinh.

Bốn: Từ “Hoặc phục kiến vi hộ thế...” trở xuống là nhìn thấy nơi chốn hội tụ thuyết pháp, trong đó: Trước là trình bày về những nơi chốn hội tụ khác nhau, sau từ “Hoặc kiến tán thuyết Sơ địa...” trở xuống là hiển bày về pháp đã thuyết giảng.

Năm: Từ “Hoặc kiến Di-lặc ư bách thiên...” trở xuống là tổng quát nhìn thấy Dụng thực hành.

*Tiết 3-* Từ “Hoặc kiến chư Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy vô số thân của Bồ-tát bạn diễn thuyết về giáo pháp, tức là cùng với *vô lượng quyến thuộc trước đây*.

*Tiết 4-* Từ “Hoặc phục ư trung kiến chư Như Lai...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy đức thân nghiệp giáo hóa của chư Phật.

*Tiết 5-* Từ “Hựu phục ư bỉ...” trở xuống là nhìn thấy chủ lầu đài trong lầu đài, riêng biệt trình bày về Từ Thị một đời sẽ làm thành, trong đó: Trước là nhìn thấy, sau từ “Nhĩ thời...” trở xuống là đạt được lợi ích, có thể biết.

*Tiết 6-* Từ “Phục văn nhất thiết...” trở xuống là thấy-nghe về tác dụng của đồ vật trang nghiêm, trong đó có mười chi tiết:

Một: Nghe lưới giảng... diễn thuyết giáo pháp, trong đó có ba: Đầu là nghe gần, tiếp từ “Hựu văn mỗi xứ...” trở xuống là nghe xa, sau từ “Thiện Tài...” trở xuống là đạt được lợi ích.

Hai: Nhìn thấy tác dụng của gương quý báu.

Ba: Nhìn thấy cột trụ quý báu phát ra ánh sáng.

Bốn: Nhìn thấy oai nghi của cảnh tượng quý báu.

Năm: Nhìn thấy sinh ra những chuỗi Anh lạc.

Sáu: Hoa sen hiện ra lớp lớp.

Bảy: Mặt đất quý báu hiện rõ cảnh tượng.

Tám: Cây hiện ra nửa thân. Đâu-sa-la, Trung Hoa nói là Sương Băng.

Chín: Nửa vầng trăng hiện ra sáng ngời.

Mười: Bức tường hiện rõ Bốn sự, trong đó: Trước là nhìn thấy Từ Thị tu tập thực hành tùy theo chủng loại thân nghiệp chúng sinh; sau từ

“Hựu kiến...” trở xuống là nhìn thấy Thiện hữu đã phụng sự khuyến khích nói cho Thiện Tài biết.

Tiếp sau- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là tổng quát hiển bày về tướng nhìn thấy: 1- Pháp; 2- Dụ.

*Tiết 1-* Pháp, nghĩa là Lực nào có thể nhìn thấy? Dùng mắt nào nhìn thấy? Dùng Trí nào nhìn thấy? Dựa vào phần vị nào nhìn thấy? Ở nơi nào nhìn thấy? Đây đủ như Kinh, và kết luận về những cảnh đã không nói trước đây.

*Tiết 2-* Từ “Thí như...” trở xuống là Dụ hiển bày về tướng nhìn thấy. Sở dĩ có mười Dụ, là bởi vì những ví dụ riêng biệt. Nhưng có hai ý: a- Dụ về nhân duyên có thể nhìn thấy không giống nhau; b- Dụ về tướng riêng biệt của cảnh đã nhìn thấy.

*Tiết a-* Dụ về nhân duyên có thể nhìn thấy không giống nhau, trong mười Dụ: Đầu là một Dụ tổng quát dụ cho có thể nhìn thấy-đã nhìn thấy đều như sự việc trong mộng, lớn nhỏ không có gì ngăn ngại...; như Dụ, Hợp tìm theo văn. Còn lại chín Dụ đều riêng biệt.

Một- Dụ cho lực thuộc về nhân của mình, tùy theo nghiệp của mình, bởi vì mạng phàm phu sắp kết thúc.

Hai và ba- Cùng dụ cho lực thuộc về duyên, do rồng-quỷ đã nắm giữ. Nhưng quỷ nắm giữ thì Tự-Tha không giống nhau, rồng nắm giữ thì Tự-Tha cùng chung Thể.

Bốn- Dụ cho lực thuộc về Y báo của Thiện hữu.

Năm- Chính là lực thuộc về Định.

Sáu- Dụ cho lực thuộc về Tánh Không.

Bảy- Dụ cho lực tự tại thuộc về pháp giới.

Tám- Dụ cho lực thuộc về Trí-Định không hai, vốn là Tam-muội của Đại Trí Hải Ấn.

Chín- Dụ cho lực tự tại thuộc về Huyền Trí.

*Tiết b-* Dựa theo Dụ về tướng riêng biệt của cảnh đã nhìn thấy, cũng đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt:

Một- Dụ về nghiệp hiện rõ lúc sắp chết, dụ cho đã nhìn thấy phù hợp sâu xa.

Hai- Dụ về loài Phi nhân đã nắm giữ, dụ cho đã nhìn thấy có thể nói ra.

Ba- Dụ về Long Cung chìm ngập lâu dài, dụ cho niệm-kiếp viên dung.

Bốn- Dụ về Phạm Cung hiện bày rộng rãi, dụ cho một-nhiều vô ngại.

Năm- Dụ về cảnh của Định ở khắp mọi nơi, dụ cho đã nhìn thấy rõ ràng.

Sáu- Dụ về khu thành của Càn-thát-bà dựa vào hư không, dụ cho Sự-Lý vô ngại.

Bảy- Dụ về nơi chốn giống nhau nhìn thấy khác nhau, dụ cho ẩn-hiện tự tại.

Tám- Dụ về biển rộng hiện rõ Tam thiên, dụ cho xa-gần hiện rõ nhanh chóng.

Chín- Dụ về huyễn ảo hiện ra rất nhiều, dụ cho đã nhìn thấy thu-ấn-tạp vô ngại.

**Tiết bốn-** Từ “Nhĩ thời Di-lặc...” trở xuống là sự việc kết thúc rời khỏi Định, trong đó có bốn tiết:

*Tiết 1-* Cảnh giác khiến cho rời khỏi Định, cũng bật ngón tay là trước đây đạt được ý chỉ, đó gọi là quên hết ngôn từ. Trong này, đạt được ý chỉ là khiến cho không chìm trong vắng lặng.

*Tiết 2-* Từ “Pháp tánh...” trở xuống là tóm lược chỉ ra Thể tướng: Câu đầu là nêu lên; từ “Thử thị...” trở xuống là giải thích về tướng đã nhìn thấy, duyên sinh thuận theo Trí về pháp, duyên sinh vốn không có tự tánh, cho nên nói là như vậy tự tánh giống như huyễn mộng... Điều không thành tựu, là kết luận thành tựu về nghĩa trên. Thuận theo duyên không có tánh, cho nên Sự không thành tựu. Không có tánh thuận theo duyên, cho nên Lý không thành tựu. Bởi vì không giữ lấy tự tánh, cho nên có thể thuận theo duyên, mà thành tựu pháp nói trên. Tuy thành tựu mà không lìa xa pháp tánh, cho nên ngay nơi Sự có thể nói là pháp tánh như vậy, cũng là tánh tự nhiên đầy đủ.

*Tiết 3-* Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là đạt được ý chỉ mà rời khỏi Định.

*Tiết 4-* Từ “Di-lặc cáo...” trở xuống là hỏi-đáp về sự việc đã nhìn thấy. Dựa theo thưa hỏi thì từ mình chứng thực mà suy ra thuộc về nhân, nói là an trú không thể nghĩ bàn. Trong giải đáp thì khiêm tốn cung kính suy ra thuộc về duyên, nói là lực của Thiệnh hữu. Thầy và trò suy ra lẫn nhau không giống như thường tình.

*Mục b-* Từ “Thánh giả...” trở xuống là hiển bày tên gọi của pháp, có hai tiết: Một- Thưa hỏi; Hai- Giải đáp.

*Trong tiết hai-* Giải đáp, có hai: 1- Trình bày về môn Chủ; 2- Từ “Thiệnam tử...” trở xuống là quyết thuộc.

*Trong tiết 1-* Trình bày về môn Chủ: Tất cả cảnh giới của ba đời, tức là cảnh này đã tiến vào-đã nhìn thấy; không quên Niệm-Trí, tức



là Trí có thể tiến vào-có thể hiện rõ. Bởi vì ba đời như nhau, cho nên Niệm-Kiếp viên dung. Tùy trong một đời hiện rõ cảnh của ba đời, Trí tiến vào ba đời, hiểu rõ pháp rộng rang vắng lặng, cùng với Như phù hợp sâu xa, cho nên trong một niệm không có gì không nhìn thấy.

Tạng trang nghiêm có hai nghĩa: Một- Bởi vì trang nghiêm pháp tánh, trong một trang nghiêm bao hàm phát sinh vô tận đồ vật trang nghiêm, như trong một lầu đài nhìn thấy nhiều lầu đài... Hai- Bởi vì Trí vô ngại phù hợp với cảnh viên dung, trang nghiêm Như Lai Tạng thì vốn đầy đủ các pháp. Trước đây nói pháp tánh như vậy, không phải là mới thành tựu, bởi vì trong môn này đầy đủ pháp Giải thoát không thể nói được.

*Mục c-* Từ “Thiện Tài vấn ngôn...” trở xuống là cùng tận nguồn gốc của nhân trang nghiêm, trong đó có hai lần thưa hỏi-giải đáp.

*Lần thứ nhất-* Tận cùng nơi trở về, bởi vì sau khi thâm nhiếp năng lực, nhìn thấy sự việc kỳ lạ trước đây, bỗng nhiên mà không còn, cho nên thưa hỏi về nơi mất đi.

Trong giải đáp: Bởi vì từ gốc sinh ra ngọn mà xuất hiện, thâm nhiếp ngọn trở về gốc mà mất đi. Mất đi không khác với xuất hiện, cho nên dẫn ra nơi xuất hiện, hợp lại giải đáp trong một lúc.

*Lần thứ hai-* Làm sáng tỏ về nguồn gốc khởi lên, trong đó: Trước kia thưa hỏi tuy được dẫn dắt trở về, mà nơi xuất hiện đã không suy xét, thì cuối cùng lẽ nào biết được nguồn gốc khởi lên, cho nên trở lại tìm kiếm.

Trong giải đáp: Trước là Pháp, sau là Dụ.

Trong Pháp: Đầu là Tướng, sau là Tánh. Nghĩa là lực của Trí làm duyên tạo tác mà xuất hiện, lực của Trí làm duyên gia hộ mà tồn tại. Đã thuận theo duyên xuất hiện thì không có đến-đi, cho nên sự việc trang nghiêm này không phải ở trong lầu đài mà tồn tại, cũng không phải từ nơi khác mang đến. Thuận theo duyên mà xuất hiện cho nên không phải là tích tập, duyên lụi tàn thì mất đi cho nên không phải là thường có. Nếu trước kia nhất định có nơi xuất hiện thì rơi vào lỗi của thường có, trước có-nay không có thì trở thành đoạn diệt. Đã lìa xa Đoạn-Thường thì có gì sinh diệt, tướng một-khác bình đẳng, cho nên nói là xa lìa tất cả.

Trong Dụ có hai:

1- Dụ về Long Vương tuôn mưa, dụ riêng về không có xuất hiện mà xuất hiện.

Trong Hợp: Không trú bên trong, vốn là lực của Bồ-tát; không trú

bên ngoài, vốn là lực thiện căn của mình. Bởi vì nhân duyên bên trong-bên ngoài làm mất lẫn nhau, thì bên trong-bên ngoài đều không còn.

2- Dụ về Huyền sư hiện rõ huyền ảo, cùng dụ cho xuất hiện-mất đi bởi vì không có xuất hiện-mất đi.

**Mục d-** Từ “Thiện Tài Đồng tử ngôn Đại Thánh...” trở xuống là suy xét về tánh-tướng của Chánh báo, trong đó có hai tiết: Một- Thưa hỏi thuận theo xuất hiện; Hai- Thưa hỏi nơi chốn sinh ra.

*Trong tiết một-* Thưa hỏi thuận theo xuất hiện: 1- Thưa hỏi; 2- Giải đáp.

*Trong tiết 1-* Thưa hỏi: Trước đây nhìn thấy Từ Thị từ nơi khác mà xuất hiện, đã vội vàng lễ chào cung kính-thưa hỏi về pháp, chưa kịp thưa hỏi về nơi xuất hiện, cho nên ở đây dựa vào sự việc trang nghiêm xuất hiện trước đây, liền thưa hỏi về nơi xuất hiện.

*Trong tiết 2-* Giải đáp, có ba nơi xuất hiện: Đầu là dựa theo Thể chân thật của Pháp thân, ngay nơi không có xuất hiện mà xuất hiện, xuất hiện ngay nơi không có xuất hiện, vẫn có mười cặp, suy nghĩ về điều đó! Tiếp từ “Thiện nam tử, Bồ-tát từng Đại Bi...” trở xuống là dựa theo Tướng chân thật của Báo, xuất hiện từ trong vạn hạnh, cũng giống như kinh Tịnh Danh nói: “Xuất hiện từ đạo tràng của vạn hạnh.” Sau từ “Nhữ vấn ngã...” trở xuống là dựa theo Dụng của Hóa hiện, tùy theo nơi chốn của căn cơ thuần thực mà xuất hiện.

Ba tiết này tức là Pháp thân-Báo thân-Hoá thân, cũng là Thể-Tướng-Dụng, cũng là Lý-Hạnh-Sự. Lại tiết đầu chỉ là Lý, tiết sau chỉ là Sự, một tiết giữa đầy đủ Lý-Sự.

Ma-la-đề, nói đầy đủ là Ma-la-da Đề-số. Ma-la-da, Trung Hoa nói là Man Thí, tức là tên gọi của núi; Đề-số nói là Trung, nghĩa là núi ấy ở trung tâm của đất nước này, hoặc là trung tâm của đất nước tiếp cận với núi này.

Cù nói là Địa, Ba-la nói là Thủ Hộ, tức là canh giữ bảo vệ đất đai và tâm địa.

**Tiết hai-** Từ “Thiện Tài...” trở xuống là thưa hỏi-giải đáp về nơi chốn sinh ra.

Trong thưa hỏi: Bởi vì trước đây nói xuất hiện từ nơi sinh ra, cho nên nay tìm hiểu đến cùng về điều đó.

Trong giải đáp có hai: 1- Tổng quát trình bày về nơi chốn sinh ra của các Bồ-tát; 2- Riêng biệt hiển bày về nơi chốn sinh ra của Từ Thị.

*Trong tiết 1-* Tổng quát trình bày về nơi chốn sinh ra của các Bồ-tát, có ba: a-Chính thức giải đáp về nơi chốn sinh ra; b-Trình bày về

quyến thuộc của Sinh duyên; c-So sánh để hiển bày thù thắng.

*Tiết a-* Chính thức giải đáp về nơi chốn sinh ra. Văn có mười câu, đều có câu trước là Hạnh có thể sinh ra, câu sau là nhà đã sinh ra, nghĩa là: Nếu phát tâm Bồ-đề, thì đó gọi là nhà sinh ra của Bồ-tát. Nếu có tâm sâu xa, thì được gặp Thiện hữu. Nếu đạt được các Địa, thì đầy đủ các Độ, giáo hóa chúng sinh tức là Giác tha. Có Trí tuệ cho nên hiểu rõ pháp Vô sinh. Có phương tiện cho nên không giữ lấy tướng của Vô sinh. Không đắm trong vắng lặng của Nhị thừa, cho nên sinh trong nhà Vô sinh Nhân. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ. Lại câu trước cũng bao gồm đã sinh ra, suy nghĩ về điều đó!

*Tiết b-* Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về quyến thuộc của Sinh duyên. Văn có hai mươi câu:

Bát-nhã làm mẹ, phương tiện làm cha, tóm lược có ba nghĩa: Một- Nhận biết thật sự trống rỗng đồng lại cùng với Âm (mẹ) đều vắng lặng, Quyền trí chuyển biến làm cho thay đổi cùng với Dương (cha) đều như sóng gợn. Hai- Pháp thân tự mình sinh ra, thật sự nhờ vào Bát-nhã, nếu không có phương tiện thì phần nhiều giống như Nhị thừa, bởi vì thành tựu chủng tử Bồ-tát chính là nhờ vào phương tiện. Ba- Bên trong hiểu rõ, bên ngoài cứu giúp, bởi vì như cha mẹ.

Bố thí để giúp đỡ cho phước, Trì giới để bảo vệ ngăn ngừa. Còn lại có thể suy nghĩ.

*Tiết c-* Từ “Thiện nam tử, Bồ-tát như thị...” trở xuống là so sánh để hiển bày thù thắng, trong đó có hai chi tiết: Một- Tổng quát phân rõ về nhà sinh ra thù thắng; Hai- Từ “Sinh ư như thị tôn thắng gia...” trở xuống là riêng biệt làm sáng tỏ về Trí thù thắng.

*Tiết 2-* Từ “Thiện nam tử, ngã thân...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nơi chốn sinh ra của Từ Thị, trong đó có hai tiết:

*Tiết a-* Làm sáng tỏ về Thật báo sánh bằng pháp giới rộng lớn, văn có mười câu: Một câu đầu là tổng quát, tám câu tiếp là riêng biệt, một câu sau là kết luận.

*Tiết b-* Từ “Ngã vị hóa...” trở xuống là hiển bày vì thuận theo cơ duyên vị lai và hiện tại thọ sinh thù thắng, trong đó có hai chi tiết:

*Chi tiết một-* Trình bày về hiện tại thọ sinh: Câu-tra, Trung Hoa nói là Lô Các, bởi vì trong thôn làng ấy có nhiều lầu đài, hoặc là lầu đài của Từ Thị ở trong thôn làng này.

*Chi tiết hai-* Từ “Ngã vị tùy thuận...” trở xuống là trình bày về vị lai thọ sinh, trong đó có hai:

*Chi tiết 1-* Chính thức hiển bày về những việc làm ở đời vị lai.

Như hoa sen ấy có ba nghĩa: a- Đức Thích-ca đã gieo trồng cho nên hoa ấy nở rộ; b- Nhân quá khứ hàm chứa quả như hoa chưa nở, nhân không còn thì quả hiện rõ, như hoa sen nở rộ; c- Nghe xông ướp hàm chứa Thật, như hoa chưa nở, nhìn thấy Thật không còn ngôn từ, cho nên nói là tỏ ngộ rõ ràng. Trí Luận nói: “Thiện căn của Bồ-tát không gặp được ánh sáng mặt trời Trí tuệ của Như Lai, thì che lấp tàn lụi không nghi ngờ gì.” Tổng quát chứng minh cho nghĩa trước đây.

*Chi tiết 2-* Từ “Ngã nguyện mãn...” trở xuống là kết hợp với ba vị Thánh.

Nói cùng nhìn thấy Ta, cũng có ba ý: a- Cùng giúp đỡ giáo hóa; b- Thiện Tài biểu thị cho Hạnh, Văn Thù biểu thị cho Tín-Trí, bởi vì lúc thành tựu Chánh giác đều chứng được pháp này; c- Văn Thù là Phật quá khứ, Thiện Tài là Phật vị lai, Từ Thị là Phật hiện tại. Ba đời viên dung, rộng lớn như nhau, cho nên nói là cùng nhìn thấy.

**Trong mục bốn-** Từ “Thiện nam tử, nữ đấng...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau, có ba: 1- Khuyến khích hướng về chỉ dạy thưa hỏi; 2- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ khuyến khích; 3- Từ “Thị cố thiện nam tử...” trở xuống là kết thúc khuyến khích trở lại giải thích.

*Trong mục 1-* Khuyến khích hướng về chỉ dạy thưa hỏi: Khiến cho hướng về Văn Thù, là bởi vì phần vị của Nhân sắp tận cùng, mà khiến cho trở lại soi chiếu nguồn gốc của tâm.

Trong mục 2 là giải thích về nguyên cơ khuyến khích: a- Ý đưa ra nói rằng: Văn Thù đã được gặp, vì sao khuyến khích hướng về? b- Ý giải thích rằng: Đức của vị ấy sâu rộng, mà duyên vốn có sâu nặng.

*Trong mục b có hai tiết:* Một- Trình bày về Hạnh rộng lớn; Hai- Hiển bày về duyên sâu xa.

*Tiết một-* Trình bày về Hạnh rộng lớn: Sinh ra công đức của Bồ-tát, là Tín làm pháp môn căn bản mà nuôi lớn tất cả các pháp thiện. Làm mẹ của chư Phật, là môn Bát-nhã làm căn bản, trú trong Trí rất sâu xa mà nhìn thấy pháp chân thật. Làm thầy của các Bồ-tát, là đầy đủ Trí phương tiện khéo léo, thông đạt giải thoát mà kết quả cuối cùng là Hạnh Phổ Hiền.

*Tiết hai-* Từ “Thị nữ Thiện tri thức...” trở xuống là hiển bày về duyên sâu xa, đã thành tựu nhiều lợi ích.

Trong mục 3 là kết thúc khuyến khích trở lại giải thích, có ba:

*Mục a-* Kết thúc khuyến khích, đầy đủ hai nghĩa trên, nên hướng về đừng mệt mỏi.

**Mục b-** Đưa ra giải thích: Trước là ý đưa ra nói rằng: Vì sao biết đích thực đây đủ hai nghĩa trước? Sau là ý giải thích rằng: Bởi vì lợi ích đã thành tựu đều là lực của vị ấy, cho nên biết là đức sâu-duyên nặng, nếu được gặp vị ấy thì đạt được lợi ích càng tăng thêm.

**Mục c-** Từ “Văn Thù...” trở xuống là kết luận về đức trọn vẹn: Trước được gặp là đầu tiên của Tín, sau được gặp là cuối cùng của Trí, cho nên nói là tất cả đều trọn vẹn.

**Mục năm-** Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 80 trong kinh).

**Tướng thứ tư-** Trình bày về Tướng thuộc Trí soi chiếu không hai, hiển bày về pháp thuộc nhân trước đây sinh ra Thể của quả không có phân biệt, bởi vì bất dứt các pháp hai tướng như Cảnh-Trí... Vả lại, Thiện Tài không còn chướng ngại, phiền não diệt trừ, chưa hẳn động niệm, vì thế cho nên trở lại soi chiếu chỉ là tâm ban đầu, lại không có gì khác, tức là Tín-Trí không hai.

Văn chỉ có ba mục: Một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu; Hai- Thấy nghe chứng thực tiến vào; Ba- Chuyển sang gặp được duyên thù thắng.

**Mục một-** Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: Nói đã đi qua hơn một trăm mười khu thành, nghĩa của một trăm mười đã thấy ở văn trước.

Nhưng đi qua những khu thành này lại có hai nghĩa: 1- Chỉ bắt đầu từ Di-lặc cho đến Văn Thù, tự mình trải qua một trăm mười khu thành, không phải là liên tiếp chọn lấy trước đây; 2- Thêm vào một trăm mười vị Thiện hữu trước, cho nên nói là những khu thành khác, tức là bao gồm chọn lấy Thiện hữu trước đây, thu nhận tất cả các pháp mà đưa về soi chiếu như nhau.

Nếu như vậy thì Thiện hữu trước đây ở khu thành này lẽ nào có thể giống nhau hay sao? Cũng có hai nghĩa: 1- Thiện hữu chắc chắn dựa vào khu thành, thì một khu thành là một Thiện hữu; 2- Hoặc là ở tại một khu thành gặp được nhiều Thiện hữu, hoặc là mong cầu một Thiện hữu trải qua nhiều khu thành, mà chủ yếu đây đủ một trăm mười, bởi vì thuận theo pháp biểu thị mà đến.

Tô-ma-na, Trung Hoa nói là Duyệt Ý, tức là tên gọi một loài hoa, nghĩa là Trí soi chiếu Phật tánh (Nhất tánh) làm cho tâm giác ngộ (Bổn tâm) vui sướng, tức là khu thành của Đức Sinh. Có bản nói là đến đất nước Phổ Môn, bởi vì hiển bày thâm nhiếp các pháp sai biệt quy về

tướng không hai, tức là Phổ Môn.

Nói là đứng nơi cửa ấy, bởi vì hiển bày về tâm hiểu biết đã đến cuối cùng, sắp tiến vào môn không hai của Bát-nhã.

**Mục hai-** Từ “Thị thời Văn Thù...” trở xuống là thấy nghe chứng thực tiến vào. Từ đây trở xuống là văn đã bỏ sót, nghĩa như trước nói. Nhưng bởi vì soi chiếu đến cuối cùng không hai, Tâm và Cảnh đều mất, cho nên tóm lược không có mục lễ chào cung kính-thư hỏi. Bởi vì Tín-Giải cùng bật dứt, cho nên không nhìn thấy hiện thân, mà trở lại soi chiếu. Bởi vì tâm tin tưởng không thay đổi, cho nên duỗi bàn tay phải. Lại không nhìn thấy chính là nhìn thấy chân thật, chỉ hiểu rõ Bát-nhã vốn là tự tâm Không. Trong văn có ba mục:

**Mục 1-** Xoa trên đỉnh đầu thâu nhiếp tiếp nhận:

Vượt qua một trăm mười Do-tuần, là bởi vì vượt qua tất cả phần vị trước.

Bắt đầu tin tưởng bao gồm đối với quả cuối cùng, cho nên nói là từ xa duỗi ra.

Thành tựu về Hạnh tùy thuận, cho nên nói là bàn tay phải.

Nhưng vượt qua khu thành là dựa theo vượt qua giới hạn, Do-tuần là trình bày về vượt qua số lượng.

Lại trước vượt qua Đoạn đức của các phần vị, sau vượt qua Trí địa của các phần vị.

Xoa trên đỉnh đầu là biểu thị cho thâu nhiếp tiếp nhận, cũng là đem tất cả các pháp đặt trên đỉnh cao của Tâm, cho nên Tín đạt đến điểm cao nhất.

**Mục 2-** Từ “Tác như thị ngôn...” trở xuống là giảng dạy chỉ ra pháp môn, tức là nêu ra sai lầm (Thất) hiển bày về thích hợp (Đắc), nghĩa là nếu lìa xa Tín căn... thì không hiểu rõ Pháp tánh..., trở lại hiển bày Thiện Tài có Tín căn..., có thể hiểu rõ Pháp tánh... Trong đó có hai mục:

**Mục a-** Nêu ra những pháp thực hành thiếu sót, văn có chín câu: Bảy câu trước là thiếu sót về nhân: 1- Thiếu sót căn bản của Hạnh; 2- Mong cầu nhỏ bé, bởi vì tâm yếu kém ở trong sinh tử mà lo buồn hối hận; 3- Chiều ngang không đầy đủ; 4- Chiều dọc không tiến lên; 5- Đắm theo một pháp thiện; 6- Không mong cầu rộng lớn; 7- Không phát khởi Hạnh nguyện vô trú. Hai câu sau là thiếu sót về duyên.

**Trong mục b-** Từ “Bất năng liễu...” trở xuống là không thể nào thành tựu lợi ích, có mười lăm câu: Sáu câu trước dựa theo Lý-Sự đã nhận biết, chín câu sau dựa theo phạm vi giới hạn có thể nhận biết, nêu ra các văn trước đây, suy nghĩ điều này!

Lại trong chín câu trước, một câu đầu nêu ra Tín căn là những thiếu sót về nhân, còn lại đều là không thể nào thành tựu lợi ích. Dựa theo pháp thì công lao thuộc về Tín, dựa theo con người thì pháp của Thiện hữu trước đây đều nhờ vào Văn Thù.

*Mục 3-* Từ “Thị thời Văn Thù...” trở xuống là kết luận lợi ích thuộc về ban đầu, trong đó có mười câu: Chín câu trước là kết luận về lợi ích rất sâu xa, một câu đầu là tổng quát, tám câu còn lại là riêng biệt.

Ánh sáng của Trí ở phần vị trước tức là phương tiện của Bát-nhã, Trí vô biên ở phần vị sau tức là Trí Ba-la-mật.

Đạo tràng của Hạnh Phổ Hiền, là bởi vì đưa chân lên-đặt chân xuống đều tương ứng với Hạnh Phổ Hiền.

Trú xứ của mình, tức là pháp giới, là trú mà vô trú thuộc về Đại Trí của Văn Thù.

Lại đạo tràng của Phổ Hiền, tức là Lý thuộc về pháp giới. Trú xứ của mình, tức là Trí của Văn Thù. Điều này cũng giống như nghĩa chỉ ra cảnh giới của Phổ Hiền là vị Thiện hữu tiếp sau.

Một câu sau là thâm nhiếp Dụng đưa về gốc, việc đã làm xong cho nên Tín đến tận cùng cảnh thuộc về Trí, tướng của Tín đã không còn cho nên nói là không hiện rõ.

*Mục ba-* Từ “Ư thị Thiện Tài...” trở xuống là chuyển sang gặp được duyên thù thắng, tu tập thực hành cung kính phụng sự.

Nhưng các vị Thiện hữu này và Phổ Hiền ở sau đều không có chỉ ra-trao truyền, là biểu thị cho chứng đạt pháp giới mà lìa xa tướng của bên này bên kia.

Ba ngàn vị Thiện hữu này lại có nhiều nghĩa: 1- Thành tựu lợi ích trước đây hãy còn là Văn Thù; 2- Thuận theo sau làm phương tiện tiến vào Lý.

Nhưng luận tổng quát về các vị Thiện hữu, lại phân làm ba phần: Đầu là một mình Văn Thù làm nơi bắt đầu của Tín tâm; tiếp đến Văn Thù ở phần vị sau làm nơi cuối cùng của Trí đầy đủ, cho nên ở đây tổng quát nhìn thấy ba ngàn vị Thiện hữu; sau là Phổ Hiền thuộc về Lý-Trí không hai.

Vả lại, các vị Thiện hữu trước đây, mỗi một vị đều gặp gỡ tức là môn Thuận. Các vị Thiện hữu trong này, cùng một lúc lập tức nhìn thấy, tức là hiển bày về môn Tịch. Sau là một mình Phổ Hiền đầy đủ các vị Thiện hữu trước đây, tức là Thuận-Tịch không có gì ngăn ngại.

Lại các vị Thiện hữu này, đã đạt được pháp môn, tiếp nhận thực hành khác nhau, văn vốn không đầy đủ, kết luận mở rộng thuận theo

tóm lược, cho nên tổng quát nói là ba ngàn mà thôi.

**Tướng thứ năm-** Từ “Tăng trưởng thú cầu...” trở xuống là hiển bày về Tướng rộng lớn của nhân. Bởi vì soi chiếu Lý không hai trước đây, hiển bày về pháp rất sâu xa ấy, mới có thể làm nhân rộng lớn của sự thành Phật. Bởi vì tùy theo mỗi một nhân đều xứng với pháp tánh, Bát-nhã của Văn Thù tức là thâm nhiếp Tướng quy về Thể, pháp giới của Phổ Hiền tức là Bí mật trùng trùng. Nếu lấy hai vị Thánh hưởng về với nhau, thì Văn Thù là chủ động chứng đạt. Nếu lấy hai vị Thánh hưởng về với Thiện Tài, thì Văn Thù cũng là thụ động chứng đạt, bởi vì chưa đạt được Bát-nhã, nay mới chứng thực đạt được.

Trong văn phân ba mục: Một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu; Hai- Nghe và nhìn thấy tướng trước đây; Ba- Thấy nghe chứng thực tiến vào.

**Mục một-** Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai mươi sáu câu: Một câu đầu nêu lên mong cầu quả Phật. Một câu sau tổng quát quán sát về nhân tròn vẹn. Hai mươi bốn câu giữa, nghĩa bao gồm trước-sau, đều là nhân hưởng về Phật, đều là cảnh giới giải thoát của Phổ Hiền.

Ngay trong hai mươi bốn câu giữa, thâm nhiếp làm mười cặp:

Một: Bốn câu đầu là Tứ đẳng tâm, vắng lặng rộng khắp mọi nơi tức là Xả.

Hai: Hai câu tiếp là Phước-Trí không có gì ở ngoài, duyên với cảnh là Trí.

Ba: Hai câu tiếp là tiến vào Chánh đạo-tăng thêm Trợ đạo.

Bốn: Hai câu tiếp là tu tập về nhân-nhận biết về quả.

Năm: Ba câu tiếp là tiến vào pháp-hiện rõ sinh.

Sáu: Hai câu tiếp là chứng nguyện-tu hành.

Bảy: Hai câu tiếp là soi chiếu phía trên-tăng thêm phía dưới.

Tám: Hai câu tiếp là đạt được Thật-soi chiếu Quyên.

Chín: Hai câu tiếp là Trí rộng khắp-Thân bao trùm.

Mười: Ba câu sau cuối là phá tan chướng ngại-tiến vào Lý.

Tiến vào pháp Vô ngại ấy, hưởng lên trên thành tựu không còn hai chướng ngại, hưởng xuống dưới tức là thành tựu pháp giới Vô ngại, trú trong Địa bình đẳng ấy tức là trú xứ của chính mình, thuộc về Văn Thù trước đây.

Một câu sau là tổng quát quán sát về cảnh giới của Phổ Hiền, tức là đạo tràng của Hạnh Phổ Hiền trước đây.

Bởi vì chính là hiển bày về tướng rộng lớn của nhân, cho nên Văn



Thù tống quát chỉ ra cho Thiện Tài quán sát tất cả, không giống như một Thiện hữu chỉ ra một Thiện hữu ở văn trước. Bởi vì quán sát tất cả mới nhìn thấy Phổ Hiền.

**Mục hai-** Từ “Tức văn Phổ Hiền...” trở xuống là nghe và nhìn thấy tướng trước đây, trong đó có hai: 1- Nghe đến; 2- Nhìn thấy.

**Mục 1-** Nghe đến, có mười ba câu: Một câu đầu là nghe đến tên gọi của người, mười hai câu sau là nghe đến phần vị của Hạnh. Hai chữ “Tức văn” nối liền các câu sau.

Nghe trong này, không phải là nghe từ một người mà nghe từ nhiều người, tức là xứng với pháp giới mà nghe vậy thôi.

Các Địa, là tự hành dựa vào Địa, và viên dung đã thâm nhiếp Địa trong phần vị Phổ Hiền. Câu này là tổng quát, tám câu sau là riêng biệt: 1- Phương tiện của Địa tức là Gia hạnh; 2- Tức là Tâm tiến vào; 3- Tâm vượt ra; 4- Tâm an trú; 5- Tức là tu hạnh Thí-Giới; 6- Tức là Chân Như hiện hành rộng khắp..., là cảnh đã chứng đạt, cũng là cảnh thuộc về phạm vi giới hạn đã đạt được; 7- Tức là tác dụng của Thần thông, phá tan tà ma, thâm nhiếp chúng sinh...; 8- Tức là cùng dựa vào Trí Phật mà an trú.

**Mục 2-** Từ “Khát ngưỡng dục kiến...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy, trong đó có hai: a- Ngưỡng mộ về đức mà tu tập quán sát; b- Nhìn thấy vô cùng kỳ lạ.

**Mục a-** Ngưỡng mộ về đức mà tu tập quán sát, có ba tiết:

**Tiết một-** Nghe pháp của người trước cho nên sinh lòng khao khát ngưỡng mộ.

**Tiết hai-** Từ “Tức ư...” trở xuống là tu tập quán sát. Bồ-đề tràng, là nơi chốn đã quán sát. Kim Cang Tạng, dựa theo biểu thị tức là trong Trí Kim Cang, ở trong Thể Bồ-đề của quả Phật, vốn đã tin vào tự tâm, khởi lên quán sát về tâm ở tất cả mạng lưới Nhân-đà-la của Phổ Hiền. Dựa theo Sự tức là mặt đất Kim Cang ở trước Bồ-đề tràng, mà tích chứa đầy đủ đức trang nghiêm, cho nên gọi là Tạng.

Nhưng mà Thể của kinh này, xu thế thích hợp đầy đủ mười Hội, bởi vì thuận theo Vô tận. Vả lại, bắt đầu khởi lên ở Giác tràng, nghĩa vốn thuận theo quy về gốc. Nay lại dựa vào văn, đối với hai Hội đầu và cuối trước đây, tức là nghĩa của thâm nhiếp ngọn quy về gốc, vì vậy Thiện Tài không cần hướng về nơi nào khác, liền đối trước pháp tòa của Như Lai, nơi bắt đầu thành tựu ở Hội thứ nhất, mà khởi lên quán sát mong cầu.

**Tiết ba-** Từ “Khởi đẳng...” trở xuống là chính thức hiển bày về tâm

quán sát, có mười một câu, đều xứng với cảnh giới của Phổ Hiền mà khởi tâm, cho nên về sau được nhìn thấy.

*Mục b-* Từ “Thiện Tài...” trở xuống là nhìn thấy vô cùng kỳ lạ, trong đó có hai tiết: Một- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, bao gồm hiển bày về nhân của nhìn thấy; Hai- Từ “Kiến thập chủng...” trở xuống là chính thức nhìn thấy vô cùng kỳ lạ.

*Trong tiết hai có hai:* 1- Nhìn thấy tướng của điềm lành, có mười câu-năm cặp, đều trước là Tịnh độ đã dựa vào, sau là trú xứ của chúng sinh. 2- Nhìn thấy ánh sáng, điềm lành trước đây là nhìn thấy chỉ một lớp quốc độ thanh tịnh, ở đây trình bày trở lại nhìn thấy. Lại trước là thô, ở đây là tế. Trước là Thể tướng, ở đây là nghiệp dụng. Nhưng đều là quốc độ thuộc về Y báo của Phổ Hiền.

*Mục ba-* Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là thấy nghe chứng thực tiến vào, trong đó có ba mục:

*Mục 1-* Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, bởi vì nhìn thấy tướng trước đây mà sinh tâm nhất định nhìn thấy.

*Mục 2-* Từ “Ưu thời Thiện Tài phổ nhiếp...” trở xuống là khởi lên quán sát tăng thêm tu tập: Một- Thân nhiếp tán loạn mà trú vào Định; Hai- Thức đẩy chịu khó không lui sụt; Ba- Quán sát Thể ấy rộng khắp, bởi vì lấy pháp giới làm thân; Bốn- Bi và Trí mở rộng theo không gian; Năm- Hạnh và Nguyện cùng tận theo thời gian; Sáu- Nhân tròn vẹn đạt được quả. Đây chính là tổng quát thân nhiếp các pháp Quán, người thực hành muốn nhìn thấy nên tu tập dựa theo pháp này, lia xa tâm quán sát này thì nhìn thấy cũng không phải là thù thắng.

*Mục 3-* Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là chính thức trình bày về thấy nghe chứng thực tiến vào, trong đó có hai: a-Chính thức thấy nghe chứng thực tiến vào; b-Nghe về đức của Phật khó nghĩ bàn.

*Trong mục a-* Chính thức thấy nghe chứng thực tiến vào, có hai tiết: Một- Hiển bày về nhân tròn vẹn đạt được lợi ích; Hai- Phần vị đầy đủ giống như Phật.

*Trong tiết một-* Hiển bày về nhân tròn vẹn đạt được lợi ích, phân bốn: 1- Nhìn thấy thân đạt được lợi ích; 2- Xoa trên đỉnh đầu đạt được lợi ích; 3- Hiển bày về nhân sâu rộng; 4- Quán sát về Dụng không có giới hạn.

*Trong tiết 1-* Nhìn thấy thân đạt được lợi ích, có hai: a- Nhìn thấy thân thù thắng; b- Đạt được lợi ích sâu xa.

*Trong tiết a-* Nhìn thấy thân thù thắng, có bốn chi tiết: Một: Tổng quát nhìn thấy thân tướng thuộc về đức thù thắng; Hai: Riêng biệt nhìn

thấy sinh ra từ lỗ chân lông; Ba: Trở lại quán sát hàm chứa đầy đủ trong Thể; Bốn: Kết luận nối thông rộng khắp mọi nơi.

*Chi tiết một:* Tổng quát nhìn thấy thân tướng thuộc về đức thù thắng: Bởi vì trước đây ở trước pháp tòa Sư tử nơi Bồ-đề tràng khởi lên ý tưởng thù thắng.

*Chi tiết hai:* Từ “Kiến Phổ Hiền thân...” trở xuống là riêng biệt nhìn thấy pháp giới rộng khắp mọi nơi sinh ra từ lỗ chân lông, thật sự thì trùng trùng vô tận, tóm lược hiển bày về hai mươi lớp, cũng đối với sự khao khát ngưỡng mộ của Thiện Tài trước đây mà khởi lên mười một tâm.

Năm tâm như tâm thứ nhất sánh bằng hư không rộng lớn... có khắp các câu này, sáu tâm còn lại riêng biệt phát sinh ở các câu.

Lại trừ ra một câu đầu. Tiếp là năm câu, do tâm hiểu rõ Đạo tràng quán sát trước đây, mà sinh ra mây... đều trang nghiêm Đạo tràng. Tiếp từ “Thán Bồ-đề tâm...” trở xuống là ba câu, do tâm tiến vào biển pháp của Phật trước đây. Tiếp là một câu và một câu đầu tiên, do tâm giáo hóa Chúng sinh giới. Tiếp là bốn câu, do tâm làm thanh tịnh tất cả quốc độ trước đây, cũng bao gồm tâm giáo hóa chúng sinh. Sáu câu sau cuối, do tâm trú vào tất cả các kiếp, và hoàn toàn hưởng về mười Lực của Như Lai trước đây. Tất cả như văn suy nghĩ, thì biết phạm vi giới hạn đã nhìn thấy đều do tự tâm.

*Chi tiết ba:* Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là trở lại quán sát hàm chứa đầy đủ trong Thể, trong đó có hai: 1: Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; 2: Từ “Trùng quán...” trở xuống là chính thức hiển bày.

*Trong chi tiết 2 cũng có hai:* a: Nhìn thấy Tam thiên thế giới; b: Từ “Như kiến thử...” trở xuống là tương tự nối thông với mười phương-ba đời.

*Chi tiết bốn:* Từ “Như ư thử Tỳ-lô...” trở xuống là kết luận nối thông rộng khắp mọi nơi, vẫn có bốn lớp, nêu ra tương tự mà không kết luận. Phổ Hiền trong mây trần, là biết rằng trước thì trong thân hàm chứa đầy đủ pháp giới rộng lớn vô biên, cho nên hiển bày về nghĩa của Phổ. Nay thì toàn bộ thân này hàm chứa pháp giới, bí mật hòa vào trong mây trần, điều hòa mềm mỏng vô ngại, trình bày về nghĩa của Hiền. Rộng khắp mọi nơi trong ngoài, tận cùng hạn lượng ấy, cho nên gọi là Phổ Hiền.

*Tiết b-* Từ “Thiện Tài Đồng tử kiến...” trở xuống là trình bày về đạt được lợi ích sâu xa: Đã đạt được Trí độ, đã làm sáng tỏ về Địa đầy đủ, hướng là mười Độ biểu thị về Vô tận hay sao?

*Tiết 2-* Từ “Thiện Tài Đồng tử ký đắc...” trở xuống là trình bày về xoa trên đỉnh đầu đạt được lợi ích, trong đó có ba: a- Xoa trên đỉnh đầu; b- Từ “Ký ma...” trở xuống là đạt được lợi ích, trước là hưởng về bên ngoài quán sát cho nên đạt được Trí độ, ở đây xoa trên đỉnh đầu tự mình chứng thực cho nên đạt được Tam-muội; c- Từ “Như thử Sa-bà...” trở xuống là kết luận nối thông, bởi vì Thiện Tài giống như Phổ Hiền.

*Tiết 3-* Từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là trình bày về nhân sâu rộng, bởi vì nhân sâu thì quả dày. Văn phân làm ba tiết: a- Thưa hỏi giải đáp xét kỹ nhìn thấy; b- Hiền bày về nhân sâu xa; c- Kết luận về nhân thành tựu quả.

*Trong tiết b-* Hiền bày về nhân sâu xa, có ba chi tiết:

*Chi tiết một:* Riêng biệt trình bày về Hạnh mong cầu Bồ-đề, trong đó có hai: 1: Thuận theo hiền bày về Hạnh đã mong cầu; 2: Từ “Thiện nam tử, ngã ư...” trở xuống là kết luận lia xa lỗi lầm mà thành tựu đức.

*Chi tiết hai:* Từ “Ngã trang nghiêm...” trở xuống là tổng quát trình bày về Hạnh thuộc Bi-Trí.

*Chi tiết ba:* Từ “Ngã pháp hải trung...” trở xuống là riêng biệt trình bày về Hạnh mong cầu pháp, trong đó: 1: Trở lại hiền bày tất cả đều có thể xả bỏ, một xu (Vấn) hãy còn không có gì không xả bỏ, hướng hồ toàn bộ hay sao? Bởi vì một xu tức là một trong tất cả, như một giọt nước trong biển. 2: Từ “Ngã sở cầu pháp...” trở xuống là hiền bày về mong cầu qua việc làm, kết luận về thuyết giảng Vô tận.

*Tiết c-* Từ “Thị cố thiện nam tử, ngã dĩ như thị...” trở xuống là kết luận về nhân thành tựu quả, trong đó có hai chi tiết:

*Chi tiết một:* Kết luận về nhân, bởi vì có công để thành tựu quả, cho nên nói là lực. Văn có mười câu: Bốn câu đầu là nói về Duyên nhân, hai câu tiếp là nói về Liễu nhân, bốn câu sau là bao gồm Duyên nhân và Liễu nhân.

*Chi tiết hai:* Từ “Đắc thử...” trở xuống là thành tựu quả, nghĩa là do Liễu nhân mà đạt được quả của Pháp thân, do Duyên nhân mà đạt được quả của Sắc thân.

*Tiết 4-* Từ “Thiện nam tử, nhữ thả quán...” trở xuống là quán sát về Dụng không có giới hạn, trong đó có ba: a- Nêu ra lợi ích khuyến khích quán sát; b- Quán sát nhìn thấy vô cùng kỳ lạ; c- So sánh hiền bày về thù thắng.

*Tiết a-* Nêu ra lợi ích khuyến khích quán sát, có ba chi tiết: Một: Nêu lên; Hai: Giải thích; Ba: Kết luận.

*Chi tiết một:* Nêu lên, có thể biết.

*Trong chi tiết hai:* Giải thích, có hai: 1: Trình bày về khó được thấy-được nghe. 2: Từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là trình bày về thấy-nghe đều lợi ích.

*Trong chi tiết 2 có ba:* a: Trình bày về lợi ích không lui sụt Bồ-đề; b: Từ “Hoặc hữu chúng sinh...” trở xuống là lợi ích về thành thực thiện căn; c: Từ “Ngã dĩ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều môn, đều thành thực không lui sụt.

*Trong chi tiết c:* Trước là nhiều môn đều không lui sụt, sau từ “Nhược hữu chúng sinh kiến văn...” trở xuống là đủ loại đều thành thực.

Quốc độ thanh tịnh có thể phát sinh, thân vì sao phát sinh? Ở đây có hai nghĩa: Một- Dựa theo thân-quốc độ thuộc về pháp tánh, thì làm Thể cho quốc độ gọi là quốc độ thanh tịnh, làm Thể cho thân gọi là thân thanh tịnh, thuận theo chủ động nương tựa có khác nhau, bởi vì muốn hiển bày về Thể thụ động nương tựa như nhau, cho nên nói là Sinh thân. Hai- Dựa theo Tướng-Dụng, quốc độ thanh tịnh là quốc độ thụ động nương tựa, thân thanh tịnh là quốc độ ở trong thân, bởi vì muốn hiển bày về Thân-Độ dung thông với nhau, cho nên nói là sinh thân thanh tịnh mà thôi.

*Chi tiết ba:* Từ “Nhữ ưng quán...” trở xuống là tổng quát kết luận.

*Tiết b-* Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là quán sát nhìn thấy vô cùng kỳ lạ, trong đó có ba chi tiết: Một: Nhìn thấy trong mảy lông hàm chứa ba thế gian; Hai: Từ “Hựu kiến Phổ Hiền...” trở xuống là nhìn thấy thân của Phổ Hiền sinh ra Đại Dụng rộng khắp trong các quốc độ; Ba: Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là tự nhìn thấy thân của mình hóa hiện giống như Phổ Hiền.

*Tiết c-* Từ “Hựu Thiện Tài...” trở xuống là so sánh hiển bày về thù thắng, trong đó có ba chi tiết: Một: So sánh về thiện căn; hai: Từ “Tùng sơ phát tâm...” trở xuống là so sánh về vô số quốc độ đã tiến vào; ba: Từ “Thiện Tài Đồng tử ư Phổ Hiền...” trở xuống là cùng hiển bày về hai tướng siêu việt thù thắng nói trên.

*Trong chi tiết ba, có hai chi tiết:*

*Chi tiết 1:* Riêng biệt trình bày về ngang-dọc-sâu-rộng, trong đó có ba thế gian: Một là Khí thế gian, một bước vượt qua là hiển bày rộng lớn về không gian, tận cùng kiếp vị lai là trình bày cùng tận về thời gian, hãy còn không thể nào nhận biết. Hiển bày về sâu xa, Tạng dựa theo hàm chứa đầy đủ, Phổ Nhập dựa theo rộng khắp mọi nơi, còn lại

có thể biết.

*Chi tiết 2:* Từ “Thiện Tài Đồng tử ư...” trở xuống là tổng quát kết luận về bình đẳng rộng khắp mọi nơi. Không ẩn đi từ nơi này-hiện ra ở nơi khác, là bởi vì tướng ẩn-hiện như pháp tánh, bởi vì tướng nơi này-nơi kia ngay trong nhau.

*Tiết hai-* Từ “Đương thị chi thời...” trở xuống là trình bày về phần vị đầy đủ giống như Phật, trong đó câu đầu là trình bày về tự mình đạt được, còn lại đều giống như trên: Một câu đầu là nhân tròn vẹn giống nhau, một câu tiếp là quả đầy đủ giống nhau, từ “Nhất thân...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng giống nhau. Đây chính là nghĩa thích hợp với phần vị Đẳng giác, phần vị của nhân đã đầy đủ lại không tu tập gì nữa, cho nên chỉ nói là giống nhau, chứ không phân rõ về trải qua mong cầu. Đây là một đời lập tức thành tựu, theo thứ tự trước-sau cũng đầy đủ, không những viên dung trước-sau mà chỉ dựa theo Lý quán.

Trên đây là trình bày về thấy-nghe chứng thực tiến vào, xong.

*Mục b-* Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về nghe đến đức thù thắng khó nghĩ bàn của Phật. Trường hàng trước đây chỉ hiển bày về nhân tròn vẹn, Kệ tụng này mới trình bày về Dụng của quả, không phải là tụng về văn trước đây.

Nhưng có hai ý: Một- Đối với Phổ Hiền, ý Phổ Hiền nói rằng: Nhìn thấy những điều khó nghĩ bàn của Ta trên đây, hãy còn là phần vị của Nhân, nay chỉ ra Quả cho ông lại càng hết sức sâu xa. Hai-Đối với Thiện Tài, Thiện Tài giống như Phật chỉ là Nhân tròn vẹn, bởi vì vô lượng Quả lìa xa ngôn từ, cho nên không nói là thành Phật.

Nay dựa vào đức của Phật hiện tại để hiển bày về tướng Quả của Thiện Tài, cho nên Trường hàng và Kệ tụng nói về nhân-quả đan xen lẫn nhau. Trong văn có ba tiết: Một- Một kệ đầu nêu lên đức, nhắc nhở lắng nghe, nhận lời thuyết giảng; Hai- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là Trường hàng nêu ra Đại chúng khao khát ngưỡng mộ mong muốn được nghe; Ba- Từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là mở rộng trình bày về tướng của đức, khiến cho Đại chúng thỏa mãn mong cầu.

*Trong tiết ba có hai:* 1- Trường hàng trở lại nhắc nhở, nhận lời thuyết giảng về phạm vi giới hạn; 2- Kệ tụng mở rộng hiển bày về đức khó nghĩ bàn của Phật.

Trong tiết 2 là Kệ tụng, có chín mươi lăm kệ phân hai: a- Có chín mươi ba kệ, riêng biệt ca ngợi về đức của Phật; b- Có hai kệ, kết luận về đức vô tận, khuyên nhủ tín tướng đừng nghi ngờ.

*Trong tiết a-* Có chín mươi ba kệ, riêng biệt ca ngợi về đức của

Phật: Tám mươi kệ trước là Pháp thuyết; mười ba kệ sau là Dụ trình bày.

Nhưng bao gồm ca ngợi về hai mươi một loại công đức thù thắng thuộc mười Thân viên mãn của Đức Tỳ-lô Giá-na, tức là phân ra hai mươi một đoạn:

**Đoạn một:** Có hai kệ, tức là công đức luôn luôn không có chướng ngại chuyển biến đối với pháp đã nhận biết. Nghĩa là Trí Phật không có chướng ngại, bởi vì không có vướng mắc-không có ngăn ngại, đối với tất cả sự việc-phẩm loại sai biệt.

**Đoạn hai:** Có một kệ, trình bày về công đức có thể tiến vào Chân Như thanh tịnh nhất, không có hai tướng đối với có-không có. Nghĩa là hiểu rõ Chân Như không hai, cho nên không có động niệm.

**Đoạn ba:** Có ba kệ, tức là công đức tùy ý vận dụng tự nhiên (Vô công dụng) mà Phật sự không dừng nghỉ. Nghĩa là trú vào nơi Vô trú của Phật, thực hiện Phật sự không dừng nghỉ, cho nên nói là hoặc nhìn thấy...

**Đoạn bốn:** Có mười lăm kệ, tức là công đức làm chỗ dựa cho ý thích thực hiện sự việc không có sai biệt ở trong Pháp thân. Nghĩa là do Trí làm chỗ dựa giống với chư Phật, ý thích làm lợi ích chúng sinh giống nhau, tác dụng của Báo-Hóa cũng giống nhau, cho nên trước đây kinh nói đạt được bình đẳng của Phật, cũng giống như Nhiếp Luận nói về ý thú bình đẳng trong bốn loại ý thú.

Ở đây mở rộng nêu ra chư Phật đều có khắp lẫn nhau, cách giải thích này đã khéo léo, nay lại dùng Lý của văn để chứng minh điều này.

Chư Phật đều là thân của Đức Phật Giá-na, nghĩa là văn này nói: Thế giới của Đức Phật A-súc ở giữa ba mươi thế giới này, thế giới của Đức Phật A-súc vốn ở phương Đông, nay nói ở thế giới này thì rõ ràng không khác với thế giới này.

Vả lại, Đức Phật Vô Lượng Thọ, Nguyệt Giác Như Lai, đều có khắp mười phương, lẽ nào có thể ngăn cách thế giới này? Lại đều nói hoặc là nhìn thấy, thì biết một Đức Phật tùy theo nhìn thấy không giống nhau.

Nếu nói riêng biệt ca ngợi những Đức Phật khác, thẳng thắn nói là Đức Phật A-súc ở thế giới này, thì đâu trở thành ca ngợi về đức? Hướng hồ vô lượng quốc độ trong thế giới Hoa Tạng, đều là cảnh giáo hóa của Đức Phật Giá-na, Đức Phật Vô Lượng Thọ... chưa ra khỏi trung tâm của chủng loại quốc độ, lẽ nào không phải là Đức Phật này hay sao?

Kinh Pháp Hoa và kinh Ưng Quật Ma La đều nói phân thân khắp mười phương, cho nên biết rằng Pháp Tạng riêng biệt duyên với mười sáu vị Vương tử đều là phương tiện mà nói. Dùng lý để suy ra, đều là hiện bày từ Hải Ấn của Như Lai. Vì sao không nói đến vị Phật hiện bày từ nơi mình mà nói đến nơi khác? Vì vậy biết rằng Đức Phật Hiền Thủ..., đều là Bốn Sư.

Nhưng đoạn văn này cũng bao gồm hiển bày về công đức thứ mười bảy là thị hiện quốc độ Phật sai biệt tùy theo Thắng giải. Trong văn có ba: Đầu là tám kệ trình bày về Chủ-bạn trang nghiêm quốc độ, thân nhiếp chúng sinh giống nhau; tiếp là bốn kệ trình bày về hàm chứa vi tế, chuyển vận giáo pháp giống nhau; sau là ba kệ tổng quát thân nhiếp nhiều môn, kết thúc phần trước sinh khởi phần sau.

**Đoạn năm:** Từ “Hoặc kiến Thích-ca...” trở xuống có ba kệ, tức là công đức tu tập đối trị tất cả các chướng ngại. Nghĩa là tất cả thời gian luôn luôn tu tập Giác Tuệ, mà đối trị sáu loại ngăn che... Đã nói là trải qua nhiều kiếp, thì không nhất định là mới thành tựu.

**Đoạn sáu:** Có ba kệ, tức là công đức hàng phục tất cả ngoại đạo. Trong đó, hai kệ đầu tức là Giáo đạo và Chứng đạo, một kệ sau là hiện thân cùng chung chủng loại mà phá dẹp.

**Đoạn bảy:** Từ “Hoặc hiện Đâu-suất...” trở xuống có mười sáu kệ, tức là công đức sinh ở thế gian, không bị pháp thế gian làm cho chướng ngại. Trong đó: Năm kệ đầu là tám tướng hiện thân ở thế gian không có chướng ngại; ba kệ tiếp là ở trong cung điện cõi trời không có chướng ngại; sáu kệ tiếp là tùy theo thế gian khéo léo giáo hóa không có chướng ngại; hai kệ sau là kết luận về Trí không có chướng ngại, có thể tùy theo tất cả căn cơ.

**Đoạn tám:** Từ “Như Lai trú...” trở xuống có mười tám kệ, trình bày về công đức an lập Chánh pháp. Trong đó: Bốn kệ đầu là thiết lập Pháp luân Tam thừa, bao gồm hiển bày về nghiệp dụng; ba kệ tiếp là trình bày về thiết lập các pháp đối trị-Đạo phẩm-Lục độ; bảy kệ tiếp là trình bày về một âm thanh tùy theo chủng loại nghe pháp không giống nhau, cho đến vô lượng; bốn kệ sau là trình bày về ngữ nghiệp bình đẳng mà ứng với tất cả.

**Đoạn chín:** Từ “Cụ túc...” trở xuống có ba kệ, trình bày về công đức thọ ký. Nghĩa là thọ ký riêng biệt về quá khứ-vị lai như hiện tại, cho nên nói là đều nhìn thấy rõ ràng.

**Đoạn mười:** Có bốn kệ, trình bày về công đức thị hiện của thân Thọ dụng-Biến hoá.



**Đoạn mười một:** Từ “Hoặc trì...” trở xuống có hai kệ, trình bày về công đức đoạn trừ tất cả nghi ngờ. Nghĩa là khéo léo quyết định đối với tất cả các cảnh, cho nên có thể đoạn trừ nghi ngờ của người khác.

**Đoạn mười hai:** Có chín kệ, tức là công đức khiến cho tiến vào đủ loại các hành. Nghĩa là hiểu rõ tánh hành của tất cả hữu tình khắp nơi, mà tùy theo căn cơ khiến cho tiến vào.

**Đoạn mười ba:** Từ “Như Lai vô ngại trí...” trở xuống có một kệ, tức là công đức sinh ra Diệu Trí ở vị lai. Nghĩa là Phật nhận biết về lâu xa.

**Đoạn mười bốn:** Có năm kệ, trình bày về công đức tùy theo Thắng giải mà thị hiện. Nghĩa là tùy theo hiểu biết mà hiện thân.

**Đoạn mười lăm:** Có ba kệ, tức là vô lượng công đức làm chỗ dựa cho gia hạnh điều phục hữu tình. Ý nói rằng: Trí Phật làm chỗ dựa cho gia hạnh của vô lượng Bồ-tát điều phục chúng sinh.

**Đoạn mười sáu:** Từ “Như Lai thanh tịnh...” trở xuống có hai kệ, trình bày về công đức thành tựu đầy đủ Ba-la-mật-đa của Pháp thân bình đẳng. Nhưng giống với Pháp thân đầy đủ năm loại tướng trong Nhiếp Luận. Trong đó: Một câu đầu là Bạch pháp làm tướng, bởi vì viên mãn tự tại là quả cuối cùng; hai câu tiếp là tướng không thể nghĩ bàn; một câu tiếp là tướng không hai; một câu tiếp là tướng không có nương tựa; một câu tiếp là tướng thường trú; hai câu sau là Dụ, vẽ giữa hư không là dụ cho không có nương tựa, giấc mộng là dụ cho hai tướng có-không có, còn lại không thể ví dụ, hoặc là lược qua không ví dụ.

**Đoạn mười bảy:** Có một kệ, trình bày về công đức thị hiện quốc độ Phật sai biệt tùy theo Thắng giải. Đã tùy theo Thắng giải mà thị hiện, cho nên không thể ví dụ. Kệ này cũng tổng quát lướt qua Dụ trước, như núi... chắc chắn không nương tựa, Không-Hữu... chắc chắn không thể nào dụ cho Phật.

**Đoạn mười tám:** Có một kệ, trình bày về công đức không có phần hạn đối với phương hướng nơi chốn của ba loại thân Phật.

**Đoạn mười chín:** Có một kệ, thâu nhiếp ba loại công đức, giống như pháp tánh... Tức là công đức tận cùng giới hạn sinh tử thường hiện thân làm lợi ích yên vui cho tất cả hữu tình..., hư không tức là công đức vô tận..., Thật tế... tức là công đức cứu cánh, bởi vì như giới hạn của Thật tế mà tận cùng thời gian vị lai.

**Tiết b-** Có hai kệ, kết luận về đức vô tận, cũng là riêng biệt hiển bày về công đức vô tận. Tuy là tổng quát kết luận mà chính là văn riêng biệt, trong đó: Kệ trước kết luận về đức, kệ sau khuyến khích tin tưởng.



Cổ đức cũng có vị dùng hai kệ này làm phần Lưu Thông của một Bộ, đã nói như trước.

*Pháp tánh sâu xa rộng lớn khó nghĩ bàn,  
Con đã tùy theo phân tóm lược giải thích,  
Nguyện đem công đức này hồi hướng Thật tế,  
Khiến cho tất cả hàm thức chứng Bồ-đề.*

